

Bản án số: 36/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 17/7/2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Khởi

Bà Võ Cẩm Tú

*- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Đăng, Kiểm sát viên.*

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.** (có mặt)

2/ *Bị đơn:* Anh **Võ Trúc L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.** (vắng mặt)

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Hộ kinh doanh **Út Thiêm**

Đại diện hộ kinh doanh: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Hộ kinh doanh **Lê Thanh N.**

Đại diện hộ kinh doanh: Anh **Lê Thanh N**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện U, Kiên Giang**. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện vụ án hôn nhân đề ngày 09 tháng 01 năm 2023 nguyên đơn chị **Trần Thị Mỹ H** (sau đây gọi tắt là chị **H**) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **H** và anh **Võ Trúc L** (sau đây gọi tắt là anh **L**) được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện U, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 24/4/2017. Chị **H** và anh **L** chung sống với nhau được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị **H** yêu cầu ly hôn với anh **L**.

- Về con chung: Chị **H** và anh **L** chung sống với nhau có 01 người con chung tên **Võ Thị Thảo V**, sinh ngày 08/11/2014, giới tính nữ, hiện con chung đang sống với chị **H**. Chị **H** yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, chị **H** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ mua vật tư thủy sản, thức ăn nuôi tôm là 32.685.000 đồng của cửa hàng **Đ**, chị **H** đồng ý chia đôi số nợ với anh **L**, ngoài ra không có nợ chung ai khác.

2. Theo Bị đơn anh **Võ Trúc L** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **H** và anh **L** được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện U, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 24/4/2017. Anh **L** cho rằng giữa anh chị không có mâu thuẫn gì lớn nên anh **L** yêu cầu hàn gắn tiếp tục chung sống với chị **H**, anh **L** không đồng ý ly hôn với chị **H**.

- Về con chung: Chị **H** và anh **L** chung sống với nhau có 01 người con chung tên **Võ Thị Thảo V**, sinh ngày 08/11/2014, giới tính nữ, hiện con chung đang sống với chị **H**. Anh **L** yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, anh **L** không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ mua vật tư thủy sản, thức ăn nuôi tôm là 32.685.000 đồng của

cửa hàng Đại lý Út Thiêm, anh **L** yêu cầu chia đôi số nợ chung.

Nợ cửa hàng **T2** ông **Lê Thanh N** làm đại diện số tiền mua thức ăn tôm là 16.660.000 đồng, anh **L** nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ của anh **N** là 16.660.000 đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hộ kinh doanh Út Thiêm do anh **Lê Văn T** (sau đây gọi tắt là anh **T**) đại diện hộ kinh doanh trình bày:

Anh **L** và chị **H** có mua vật tư thuỷ sản và thức ăn nuôi tôm tại cửa hàng **Đ** do anh **T** làm đại diện đến tháng 11/2022 hai bên xác định công nợ anh **L** và chị **H** còn nợ cửa hàng **Đ** là 32.685.000 đồng. Nay anh **T** đồng ý anh **L** và chị **H** chia đôi số nợ để trả cho anh **T**; Anh **T** tự thoả thuận với anh **L** và chị **H** về phương thức trả, **H1** kinh doanh **Út T1** không yêu cầu khởi kiện trong vụ kiện này, trường hợp phát sinh tranh chấp anh **T1** sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hộ kinh doanh Lê Thanh Nguyên do anh **Lê Thanh N** (sau đây gọi tắt là anh **N**) đại diện hộ kinh doanh trình bày:

Anh **L** có mua vật tư thuỷ sản và thức ăn nuôi tôm tại cửa hàng **T2** anh **N** làm đại diện, hai bên xác định công nợ anh **L** còn nợ cửa hàng thức ăn tôm của anh **N** là 16.660.000 đồng và anh **N** đồng ý anh **L** nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 16.660.000 đồng, anh **N** tự thoả thuận với anh **L** về phương thức trả nợ, anh **N** không yêu cầu khởi kiện trong vụ kiện này, trường hợp phát sinh tranh chấp anh **N** sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

5. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy khai sinh (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn số 92/2017, 03 bản tự khai, xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị **H** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với anh **L**.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX, cho chị **H** được ly hôn với anh **L**, giao con chung tên **Võ Thị Thảo V** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài chung sản và nợ chung tự thoả thuận, đề nghị HĐXX không xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh **Võ Trúc L** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai để tham gia xét xử nhưng anh **L** vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hộ kinh doanh **Út T1** do anh **Lê Văn T** làm đại diện và **H1** kinh doanh Lê Thanh Nguyên do anh **Lê Thanh N** làm đại diện đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **T** và anh **N** không có yêu cầu độc lập. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh **L**, anh **T** và anh **N**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh **L** được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương năm 2014 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **U**, tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/4/2017. Chị **H** và anh **L** chung sống với nhau được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Anh **L** xin hàn gắn tiếp tục chung sống với chị **H** nhưng trong quá trình sống ly thân anh chị không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Chị **H** cương quyết ly hôn với anh **L**, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị **H** yêu cầu ly hôn với anh **L** căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[3] Về con chung: Chị **H** và anh **L** chung sống với nhau có 01 người con chung tên **Võ Thị Thảo V**, sinh ngày 08/11/2014, giới tính nữ, hiện con chung đang sống với chị **H**, chị **H** yêu cầu được trực tiếp nuôi con và theo nguyện vọng của con chung **Võ Thị Thảo V** là được sống chung với chị **H**. Vì vậy, HĐXX giao con chung cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Chị **H** không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con, HĐXX không xem xét.

Anh **L** có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Chị **H** và anh **L** tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh **T** và anh **N** không có đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này, HĐXX không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Trần Thị Mỹ H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003130, ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị **Trần Thị Mỹ H** được ly hôn với anh **Võ Trúc L**.

2. Về con chung: Giao con chung tên **Võ Thị Thảo V**, sinh ngày 08/11/2014, giới tính nữ cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **L** có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị **H** và anh **L** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh **T** và anh **N** không có đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ kiện này, HĐXX không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Trần Thị Mỹ H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003130, ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị **H** đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành*

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận**

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Loan**